

Số: /SNV-XDCQ

Nam Định, ngày 20 tháng 10 năm 2022

V/v hướng dẫn thực hiện Tiêu chí  
Hành chính công trong Bộ tiêu chí  
quốc gia về xã NTN nâng cao, kiểu  
mẫu, giai đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Để có cơ sở pháp lý giúp các xã, thị trấn hoàn thiện hồ sơ đăng ký thẩm định nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, giai đoạn 2021-2025, Sở Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện, lập hồ sơ căn cứ chứng minh và thẩm định mức đạt tiêu chí Hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTN nâng cao, kiểu mẫu, giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

**I. Tiêu chí Hành chính công** (Tiêu chí số 15.1, 15.3 thuộc Phụ lục số II, Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

### 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

#### 15.1.1. Công khai TTHC trên môi trường điện tử

100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã phải được niêm yết công khai và thường xuyên cập nhật, bổ sung theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND tỉnh về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

#### 15.1.2. Công khai thành phần, quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC

Áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

#### 15.1.3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4

+ Cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện ở mức độ 4 trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

+ Tỷ lệ Hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ, giai đoạn 2021-2025 đạt trên 60%.

#### 15.1.4. Thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC

Triển khai thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC.

#### 15.1.5. Số hóa TTHC và trả kết quả TTHC bằng văn bản điện tử

- Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đạt 15% năm 2021. Giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% cho đến khi đạt 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Triển khai việc số hóa hồ sơ giải quyết TTHC trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, tổ chức từ ngày 01/6/2023 đối với TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận của Bộ phận một cửa cấp xã.

### 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

15.3.1. Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

15.3.2. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng

quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

15.3.3. Thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

15.3.4. Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

15.3.5. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.

15.3.6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

## **II. Hồ sơ, căn cứ chứng minh**

1. 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã phải được niêm yết công khai trên môi trường điện tử và thường xuyên cập nhật, bổ sung theo đúng quy định;

2. Cập nhật và công khai đầy đủ các quy trình nội bộ, quy trình điện tử được UBND tỉnh công bố trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, trang tin điện tử của đơn vị;

3. Số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đạt 15% năm 2021. Giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% cho đến khi đạt 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

4. Tỷ lệ Hồ sơ thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến/Tổng số hồ sơ TTHC phát sinh phí tối thiểu đến năm 2025 đạt 30% (*năm 2021 đạt 10%, năm 2022 đạt 15%, năm 2023 đạt 20%, năm 2024 đạt 25%, năm 2025 đạt 30%*)

5. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đến năm 2025 đạt tối thiểu 60% (*năm 2021 đạt 15%, năm 2022 đạt 20%, năm 2023 đạt 40%, năm 2024 đạt 50%, năm 2025 đạt 60%*)

6. Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết TTHC đến năm 2025 thông qua Phiếu đánh giá hài lòng đạt tối thiểu 90% (*năm 2021 đạt 50%, năm 2022 đạt 60%, năm 2023 đạt 70%, năm 2024 đạt 80%, năm 2025 đạt 90%*); trong đó hài lòng về giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư thông qua Phiếu đánh giá hài lòng đạt tối thiểu 85% (*năm 2021 đạt 45%, năm 2022 đạt 55%, năm 2023 đạt 65%, năm 2024 đạt 75%, năm 2025 đạt 85%*);

7. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt trên hệ thống thông tin của chính quyền cấp xã;

8. Tiếp tục thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại chính quyền cấp xã (*60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng*), chậm nhất trước tháng 12/2023 hoàn thành 100% việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

9. Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên (*thông qua báo cáo, hồ sơ căn cứ chứng minh*) đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên (*thông qua báo cáo, hồ sơ căn cứ chứng minh*) đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã;

10. Khi có TTHC bị quá hạn, UBND cấp xã phải có Báo cáo giải trình ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả theo mẫu Phiếu đề nghị gia hạn thời gian giải quyết và phương hướng khắc phục trong thời gian tới, đồng thời thực hiện công khai xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

### **III. Một số vấn đề khác**

1. Đối với các xã, thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn trước, nay đề xuất thẩm định Nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021-2025 thì thực hiện theo hướng dẫn này.

2. Đối với các xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2018-2020, nay đề xuất thẩm định Nông thôn mới kiểu mẫu phải rà soát các tiêu chí theo hướng dẫn này và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là Hướng dẫn của Sở Nội vụ về thực hiện hồ sơ, căn cứ chứng minh, đánh giá mức đạt các Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu, giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Xây dựng chính quyền) để tháo gỡ, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc sở;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;  
Ban Tổ chức-Nội vụ huyện Vụ Bản;
- Lưu: VT, XDCQ (TVQ 1bản).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lại Văn Hiếu**